TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do – Hạnh phúc**
Số: 134/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 17 tháng 9 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 181/2018/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 8 năm 2018.

- ***Nguyên đơn***: Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

- ***Bị đơn***: Anh Bùi Cao C2, sinh năm 1994.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã S, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 81, 82, 83, 110 và 116 của Luật hôn nhân và gia đình; các điều 357 và 468 Bộ luật dân sự.

Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 07 tháng 9 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Cao C2.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về con chung: Chị C trực tiếp nuôi con chung hiện nay đang ở với anh C2 là cháu Bùi Nguyễn Kim A, sinh ngày 25/9/2017. Anh C2 có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng là 1.000.000 đồng, kể từ tháng 10/2018 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi

Kể từ ngày chị C có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp anh C2 không thi hành hết nghĩa vụ thi hành án, thì anh C2 còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chưa thi hành án theo mức lãi xuất được xác định theo thỏa thuận của các bên, nhưng không được vượt quá mức lãi xuất được quy định tại khoản 1 điều 468 của Bộ luật dân sự, nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 điều 468 của Bộ luật dân sự.

Sau khi ly hôn anh C2 có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh C2 lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị C có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh C2.

Chị C cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh C2 trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2. Về tài sản chung - Công nợ chung: Không có nên các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.3. Về án phí sơ thẩm: Chị C nhận nộp cả án phí ly hôn theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng và án phí cấp dưỡng nuôi con chung chị C tự nhận nộp thay anh C theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng. Nay được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị C đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số AA/2013/0000892 ngày 13/8/2018 của Thi hành án dân sự huyện N, như vậy chị C không phải nộp án phí nữa.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dấn sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY

Nơi nhận:
- Đương sự
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N ;
- UBND xã S;
- THSDS huyện N;
- Lưu hồ sơ vụ án.